SAFETY JOGGER
PROFESSIONAL



Light

EVELYN 01

Nh ẹ **và thoáng khí** cả **ngày**
Evelyn đư i **và thoáng khí** và **các tính năng** an toàn b ổ
sung làm cho giày lao độ r ở **nên này** t ư ở n g cho các chuyên
gia trong môi **khe trong** **giày dép** . Một
hù h ợp **hoàn** hảo **cho** bất cứ **ai có** m ộ t cuộ c số n g **năng**
độ n g.

Những vật liệu **cao** cấp hơn **thép**	Lướ
lót bên trong i **thép**	Lướ
trong Đ ệm **chân SJ** làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)	
ngoài Đ	Philon/cao su
i Loạ	01 / SRC, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-42 / UK 3.0-8.0 / US 5.5-10.5 JPN 21.5-26.5 / KOR 230-270
ng lượng t **thép**	0.195 kg
ản h **hiệu** chu	ASTM F2892:2018 EN ISO 20347:2012

CE · ESD · OXYGRIP

CO2 3.40 kg



BLK



LBL



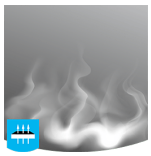
WHT



Tay cầm **Oxy / Tay** cầm **SJ**
ê ngoài bằng cao su Oxytraction trong lượt
i trên cả khô và ướ (SRA+ SRB).



SRC
rước là một trong những tính năng quan trọng
giày bảo hộ SRC phải vượt qua cả bài
SRA và SRB, chúng được kiểm
tra trên cả bề mặt thép và gốm.



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt
độ cơ thể **giữ khô** lâu hơn.



h X
ESD cung cấp khả năng xả năng
lượng tĩnh điện có kiểm soát có
thể làm hỏng các bộ phận điện
tử và ngăn chặn tia lửa do tích điện.
00 KiloOhm và 100 MegaOhm.



T
SJ BỌ
ấm **lót chân** T chống tĩnh mái có thể tháo rửa
vặn, dẫn hướng và hấp thụ sốc
ót chân và bàn T thoáng khí và hút ẩm.

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
thuộc v về **y** h ọ c , phục vụ **ăn** uố ạnh g, **l**àm sc ốpẩm &g

ường: **Môi** t
Bề mặt cự cmịn ờn **môi khô**

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Dgiày, chúng tôi khuyên bạn **nên** v ệ sinh giày thư ờn g **xuyên** và bảo v ệ **chúng** bẩm phải cáp hủ hàm hiệ **Không** trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g q
	Những vật l i **thép** Lư ớ **cao** cấp h ơn		
	Top: khả năng ấm ới h ơ	? 0.8	50.5 ờ mg/cm/g
	Top: h nụ số h ơ	? 15	404 mg/cm2
ót bên trong	i **thép** Lư ớ		
	L ớp **lót**: ấm ới h ơ	? 2	43.7 ờ mg/cm/g
	lót: h nụ số h ơ	? 20	350 mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)		
	ệ m chân Đch ố n g mài mòn (khô/ ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800 chu kỳ
goài	Đ **Phlon/cao su**		
	Ch ố ả ng trơ mài mòn ế ngoài (	? 150	129 mm
	a đế ngoài **SRA** gót chân	? 0.28	0.37 ma sát
	a đế ngoài **SRA** Phầ t g	? 0.32	0.35 ma sát
	a đế ngoài **SRB** gót chân	? 0.13	0.21 ma sát
	ộ đế ngoài **SRB** phần g	? 0.18	0.23 ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	N/A megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	80.6 megaohm
	Hấp thụ năng l ợ gót chân ủ	? 20	28 J

kích thước thép: 38

a chúng tôi Safety Jogger có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Tên và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g q
i **CO#hát** thả		
	V ật l iệu	1.15 kg
	Bao bì	0.10 kg
	ất Sản x u	1.90 kg
	Chuyên ch ở	0.26 kg
		3.40 kg CO2/cặp

	Sự **miêu** t ả	ế t K q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế		
	Product	19%
	Bao bì	99%

Tính toán CO2:
ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán